

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG VỐN TẠI  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 62.34.02.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

**HÀ NỘI -2018**

Công trình được hoàn thành tại: **Học viện Tài chính**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**Phản biện 1:** .....  
.....

**Phản biện 2:** .....  
.....

**Phản biện 3:** .....  
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện,  
họp tại Học viện Tài chính Vào hồi ... .. giờ.... .. ngày.....tháng...  
. ... năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia.
- Thư viện Học viện Tài chính.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án.

Trong quá trình hoạt động, mỗi NHTM đều mong muốn cơ cấu sử dụng vốn chuyển dịch theo hướng hợp lý, theo đó sẽ hình thành được một cơ cấu tài sản tối ưu tương quan giữa lợi nhuận và rủi ro. NHTMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) từ một ngân hàng chuyên doanh thì hiện nay Vietinbank đã thành một ngân hàng hoạt động đa năng. Chiến lược kinh doanh của Vietinbank hướng tới trong hoạt động sử dụng vốn là: đa dạng hóa và chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Quá trình đó dần được thực hiện theo phương thức chủ động, đem lại một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về thực trạng này tại Ngân hàng vẫn còn nhiều hạn chế. Với mục đích hệ thống hóa, bổ sung và luận giải rõ hơn cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM; Nghiên cứu thực tiễn chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank; Đề xuất hệ thống giải pháp chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank NCS đã lựa chọn đề tài: ***“Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam”*** làm đề tài nghiên cứu Luận án.

### 2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Trên thế giới cũng như tại Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động sử dụng vốn của NHTM, quản trị tín dụng, cơ cấu cho vay, chất lượng tín dụng và hiệu quả hoạt động tín dụng của NHTM. Đã có nghiên cứu thực nghiệm về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của hệ thống NHTM một quốc gia

và phương pháp sử dụng chủ yếu là so sánh cơ cấu sử dụng vốn giữa các thời kỳ các giai đoạn. Bên cạnh đó cũng có tác giả sử dụng phương pháp phân tích thành phần (Decompositon Measure) để đo lường qui mô chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM tại Ấn Độ. Nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn nói chung và chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong nội bộ từng hoạt động của NHTM nói riêng. Đồng thời, chưa có nghiên cứu nào xây dựng một cách có hệ thống các tiêu chí đánh giá qui mô, chất lượng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM. Vietinbank đang trong quá trình tái cơ cấu toàn diện về mọi mặt, trong đó chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn là nội dung quan trọng liên quan đến tất cả đến các nội dung tái cơ cấu NHTM. Do vậy, cần có một nghiên cứu cụ thể, toàn diện để hoàn thiện cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM, nghiên cứu thực tiễn tại Vietinbank, từ đó đề xuất những giải pháp có căn cứ khoa học để vận dụng có hiệu quả trong thực tế.

### **3. Mục đích nghiên cứu của luận án.**

- Hệ thống hóa, hoàn thiện cơ sở lý luận về cơ cấu sử dụng vốn của NHTM; Góp phần bổ sung, làm rõ những lý luận cơ bản về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM; Tìm hiểu bài học kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của một số NHTM trong và ngoài nước từ đó rút ra bài học đối với Vietinbank;

- Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank trong thời gian qua; Đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó;

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, Luận án đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM;

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Nội dung nghiên cứu:

Nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động và chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong nội bộ từng hoạt động của NHTM (ngân quỹ, cho vay, đầu tư). Do vốn sử dụng đầu tư mua sắm TSCĐ và tài sản Cố khác chiếm tỷ trọng nhỏ và tương đối ổn định nên Luận án không đi nghiên cứu sâu về nội dung này.

- Không gian nghiên cứu: Nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank.

- Về thời gian nghiên cứu:

Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank giai đoạn năm 2008-2016; Đề xuất định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy, nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank đến năm 2025.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu.**

Trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, để có các phân tích, đánh giá có căn cứ khoa học. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp tổng hợp; Phương pháp thống kê, so sánh; Phương pháp phân tích;... Bên

cạnh đó, Luận án vận dụng phương pháp đo lường thành phần (Decomposition Mesuare); Phương pháp toán học: sử dụng phương pháp đại số tuyến tính (phương pháp véc tơ) để tính Cosin của góc giữa hai véc tơ để tính góc dịch chuyển giữa 2 cơ cấu sử dụng vốn để đo lường tỷ lệ chuyên dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án**

\* **Ý nghĩa khoa học:** Luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM, trong đó chỉ ra ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của NHTM; Các phương thức, nội dung chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM; Tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM và nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM. Kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM, giúp các nhà nghiên cứu, giảng dạy, nhà quản lý và người quan tâm có cái nhìn hệ thống về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM. Bên cạnh đó, Luận án đúc kết được những bài học kinh nghiệm về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn cho Vietinbank trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại một số NHTM trong nước và nước ngoài.

\* **Ý nghĩa thực tiễn:** Luận án đã tìm hiểu, phân tích một cách có hệ thống về thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động và trong nội bộ từng hoạt động tại Vietinbank giai đoạn 2008-2016. Trên cơ sở đó đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong chuyển

dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng. Kết hợp với bài học kinh nghiệm về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại một số NHTM trong và ngoài nước, Luận án đã đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank theo hướng hợp lý trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu Luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục Luận án được kết cấu làm 3 chương

Chương 1. Cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của Ngân hàng thương mại.

Chương 2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Chương 3. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

### **Chương 1**

#### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

##### **1.1. Hoạt động sử dụng vốn và cơ cấu sử dụng vốn của Ngân hàng thương mại**

###### ***1.1.1. Hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng thương mại.***

*Hoạt động sử dụng vốn của NHTM là quá trình phân bổ vốn vào các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh của ngân hàng. Nó thực chất là quá trình tạo nên các loại tài sản khác nhau của ngân hàng. Những tài sản này có thể trực tiếp mang lại thu nhập cho ngân hàng hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán hoặc*

phát huy vai trò phục vụ cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Hoạt động sử dụng vốn của NHTM gồm: hoạt động ngân quỹ, hoạt động cho vay, hoạt động đầu tư và hoạt động sử dụng vốn khác.

### **1.1.2. Cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại**

#### **1.1.2.1. Khái niệm**

Cơ cấu sử dụng vốn của NHTM phản ánh một tập hợp các loại tài sản hình thành từ hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng, được sắp xếp theo những tiêu thức khác nhau và cấu thành theo những tỷ trọng nhất định.

#### **1.1.2.2. Đặc điểm cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại**

- Cho vay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục sử dụng vốn của NHTM.

- Cơ cấu sử dụng vốn của NHTM luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro

- Cơ cấu sử dụng vốn của NHTM có tính linh hoạt

- Cơ cấu sử dụng vốn của NHTM bị chi phối bởi các quy định quản lý Nhà nước:

- Cơ cấu sử dụng vốn của NHTM có tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

#### **1.1.2.3. Phân loại cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại.**

Thông thường cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng được quy về các nhóm chính theo hình thức sử dụng vốn gồm: ngân quỹ, cho vay, đầu tư, tài sản khác. Trong nội bộ từng nhóm này lại được phân chia một cách chi tiết khác nhau, cụ thể:

\* *Cơ cấu ngân quỹ* gồm: Tiền mặt, tiền gửi tại NHTW, tiền gửi trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác



\* *Cơ cấu cho vay của ngân hàng thương mại*: Xem xét cơ cấu cho vay của NHTM tại một thời điểm ta căn cứ vào dư nợ cho vay của ngân hàng. Cơ cấu cho vay của NHTM có thể phân chia theo các tiêu thức gồm: Cơ cấu cho vay theo thời hạn; Cơ cấu cho vay theo ngành kinh tế; Cơ cấu cho vay theo đối tượng khách hàng; Cơ cấu cho vay theo tính chất bảo đảm tiền vay; Cơ cấu cho vay theo loại tiền; Cơ cấu cho vay theo mục đích sử dụng vốn; Cơ cấu cho vay theo lĩnh vực đầu tư; Cơ cấu cho vay theo tính chất thị trường.

**\* Cơ cấu đầu tư của ngân hàng thương mại**

Xét về tính chất thì cơ cấu đầu tư của NHTM gồm: Đầu tư, kinh doanh CK và đầu tư góp vốn liên doanh liên kết.

- *Cơ cấu đầu tư, kinh doanh chứng khoán*: có thể chia theo các tiêu thức như: Theo mục đích đầu tư; Theo chủ thể phát hành; theo thời hạn CK Nợ hoặc theo loại tiền,....

- *Cơ cấu đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết*: Căn cứ vào tính chất chi phối, tỷ lệ vốn góp hoạt động đầu tư của ngân hàng lại được chia thành: Đầu tư vào công ty con, góp vốn vào công ty liên kết, hình thức đầu tư thương mại

**1.2.3.4. Cơ cấu sử dụng vốn khác**

Bên cạnh việc sử dụng vốn cho các hoạt động trực tiếp đem lại thu nhập, NHTM còn sử dụng vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm máy móc trang thiết bị, công nghệ và các tài sản khác cho ngân hàng.

## **1.2. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM**

### **1.2.1. Khái niệm**

Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM là sự thay đổi tỷ trọng từng loại tài sản cấu thành trong danh mục sử dụng vốn, được phân chia theo tiêu thức nhất định tại một thời điểm hoặc một giai đoạn so với một thời điểm hoặc một giai đoạn trong quá khứ.

### **1.2.2. Ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh đối với ngân hàng thương mại**

- Nhằm phù hợp với sự thay đổi nhu cầu và sự phát triển của thị trường
- Nhằm đa dạng hóa danh mục tài sản, phân tán rủi ro.
- Tối ưu hóa tương quan thu nhập/rủi ro cho danh mục tài sản của ngân hàng.

### **1.2.3. Phương thức chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM**

#### **1.2.3.1. Phương thức chuyển dịch thụ động**

Theo phương thức này, quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng diễn ra một cách ngẫu nhiên. Đặc trưng của phương thức này là ngân hàng chủ yếu phản ứng sau khi giám sát và phát hiện được các biểu hiện bất thường của danh mục, chứ ít/không có các hành động đi trước. Vì vậy, điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn sau giám sát được xem là nội dung chính yếu trong công việc của các ngân hàng.

#### **1.2.3.2. Phương thức chuyển dịch chủ động**

Trên cơ sở định hướng phát triển của ngành, nhu cầu thị trường, chiến lược kinh doanh, qui mô và cơ cấu NVHĐ, mức rủi ro dự tính và mức lợi nhuận kỳ vọng, ngân hàng xây dựng cơ cấu

sử dụng vốn tối ưu, từ đó xây dựng chính sách và sử dụng các biện pháp thực hiện, giám sát, điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn theo mục tiêu đã định.

#### **1.2.4. Nội dung chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM**

##### **1.2.4.1. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động**

Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM theo hoạt động là sự thay đổi qui mô, tỷ trọng từng loại tài sản hình thành từ hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng, chủ yếu được xem xét trên những góc độ: chuyển dịch giữa hoạt động ngân quỹ, hoạt động cho vay và hoạt động đầu tư.

##### **1.2.4.2. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong nội bộ từng hoạt động**

- Chuyển dịch cơ cấu ngân quỹ
- Chuyển dịch cơ cấu cho vay
- Chuyển dịch cơ cấu đầu tư
- Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn khác

#### **1.2.5. Tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại**

##### **1.2.5.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM xét theo tiêu chí qui mô.**

(1) *Độ lệch tỷ trọng từng loại tài sản trong danh mục  $G(T_i)$ :*

Nếu chỉ tiêu  $G(T_i)$  các năm đều  $< 0$ , nghĩa là tỷ trọng vốn đầu tư cho khoản mục đó có xu hướng giảm đi và ngược lại nếu  $> 0$  thì tỷ trọng vốn đầu tư cho khoản mục đó có xu hướng tăng.

(2) *Tỷ lệ và hệ số chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM*

- Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM theo phương pháp véc tơ ( $K_{sdv}$ )

Theo đó, đo mức độ chuyển dịch cơ cấu giữa hai thời điểm  $t_0$  và  $t_1$  bằng độ lớn “góc” hợp bởi hai véc tơ cơ cấu tại hai thời điểm đó. Khi phản ánh tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động (nội bộ từng hoạt động), ta dùng chỉ số  $K_{sdv}$  (tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn), được xác định theo công thức:

$$K_{sdv\ i} = \Phi * 100/90^\circ$$

(góc  $\Phi$  đã được chuyển từ radian sang độ)

Hệ số này càng lớn chứng tỏ tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn càng cao và ngược lại.

- Hệ số chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM theo phương pháp đo lường thành phần ( $Dm$ )

Để đánh giá mức độ chuyển dịch cơ cấu của NHTM xét theo hệ số  $Dm$

$$Dm = \sum p_{i(t_1)} \times \log \frac{p_{i(t_1)}}{p_{i(t_0)}}$$

Trong đó:  $p_{i(t_1)}$ : là tỷ trọng tài sản loại  $i$  năm  $t_1$

$p_{i(t_0)}$ : là tỷ trọng tài sản loại  $i$  năm  $t_0$

Hệ số  $Dm$  thường dao động từ 0 đến 1, nếu  $Dm = 0$  thì cơ cấu các thành phần không có sự thay đổi trong thời gian nghiên cứu. Nếu  $Dm$  càng cao mức độ chuyển dịch cơ cấu càng lớn, ngược lại.

1.2.5.2. Nhóm chỉ tiêu đánh giá chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại xét theo tiêu chí chất lượng.

(1) Chỉ tiêu đảm bảo an toàn vốn (CAR)

Theo yêu cầu của Basel II, các NHTM phải có tỷ lệ vốn bắt buộc tối thiểu tính trên tổng tài sản điều chỉnh theo hệ số RRTD,

rủi ro thị trường, RRHĐ ở mức an toàn là 8% trong điều kiện thông thường. Để CAR đảm bảo thì mức VCSH của ngân hàng phải tăng và trong điều kiện VCSH không tăng thì yêu cầu ngân hàng phải phân bổ, chuyển dịch cơ cấu cho vay, đầu tư theo hướng an toàn, hệ số rủi ro thấp.

(2) *Nhóm chỉ tiêu đảm bảo khả năng thanh khoản:*

- Chỉ số trạng thái ngân quỹ.
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản
- Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)
- Tỷ lệ bù đắp thanh khoản (LCR - Liquidity Coverage Ratio)

Ngoài ra, còn có các chỉ tiêu như: tỷ lệ CK thanh khoản/tổng tài sản; chỉ tiêu phản ánh năng lực cho vay (Dự nợ cho vay/Tổng tài sản); Vốn tự có/Tổng NVHĐ; tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn dùng để cho vay T-DH,...

(3) *Chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản*

- *Chỉ tiêu phản ánh chất lượng cho vay*

Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu; tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn,...

- *Chỉ tiêu phản ánh chất lượng đầu tư:* tỷ lệ nợ quá hạn/nợ xấu đối với trái phiếu đầu tư của NHTM

- *Chỉ tiêu đo lường tương quan cơ cấu sử dụng vốn với cơ cấu thu nhập của NHTM và tỷ suất sinh lời của vốn kinh doanh trong mỗi hoạt động:* Cơ cấu thu nhập của NHTM, Tỷ suất sinh lời vốn đầu tư từng hoạt động,...

### ***1.2.6. Nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của ngân hàng thương mại.***

#### ***1.2.6.1. Nhóm nhân tố khách quan***

Định hướng phát triển kinh tế trong từng thời kỳ và chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước; Sự phát triển của nền kinh tế xã hội và nhu cầu thị trường; Sự phát triển của thị trường tài chính; Hành lang pháp lý và yêu cầu giám sát của cơ quan quản lý ngân hàng; Thu nhập đem lại từ các hoạt động đầu tư vốn của NHTM

#### ***1.2.6.2. Nhóm nhân tố chủ quan***

Chiến lược kinh doanh của ngân hàng; Quy mô và cơ cấu nguồn vốn huy động của ngân hàng; Trình độ công nghệ ngân hàng; Hệ thống thông tin quản lý; Trình độ, năng lực phân tích thị trường, năng lực quản trị của cán bộ ngân hàng

### **1.3. Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại một số ngân hàng thương mại, bài học đối với NHTMCP Công thương Việt Nam**

#### ***1.3.1. Kinh nghiệm của một số ngân hàng nước ngoài và trong nước***

##### ***1.3.1.1. Ngân hàng Kasikorn của Thái Lan***

##### ***1.3.1.2. Ngân hàng ANZ***

##### ***1.3.1.3. Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam - BIDV.***

#### ***1.3.2. Bài học đối với ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam***

Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại một số ngân hàng nước ngoài và trong nước từ đó rút ra 06 bài học đối với Vietinbank.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

#### 2.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

##### 2.1.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển

##### 2.1.2. Đặc điểm hoạt động

##### 2.1.3. Mô hình tổ chức của Vietinbank

##### 2.1.4. Khái quát tình hình hoạt động kinh doanh.

\* Hoạt động tạo lập và huy động nguồn vốn

\* Hoạt động sử dụng vốn chủ yếu

\* Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

##### 2.2.1. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank xét theo tiêu chí qui mô

##### 2.2.1.1. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động

Từ năm 2008-2012, cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động tại Ngân hàng chuyển dịch lớn. Đây cũng là giai đoạn tình hình kinh tế vĩ mô diễn biến phức tạp, TTTC Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ các tác động bất ổn trong và ngoài nước, nhiều NHTM Việt Nam thiếu vốn khả dụng. Cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động tại Vietinbank chịu tác động lớn từ các công cụ điều hành CSTT, các biện pháp điều chỉnh thị trường của NHNN. Cùng với đó, Vietinbank đã chủ động chuyển dịch hoạt động từ thị trường 1

sang thị trường 2 nhằm tăng khả năng sinh lời của vốn kinh doanh. Trong giai đoạn 2013-2016 khi giá trị đồng tiền ổn định thì sự dịch chuyển cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank không đáng kể.

### *2.2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn trong nội bộ từng hoạt động*

#### ***(1) Chuyển dịch cơ cấu ngân quỹ***

Cơ cấu ngân quỹ tại Vietinbank giai đoạn nghiên cứu có sự biến động mạnh. Sự chuyển dịch lớn chủ yếu do tác động từ sự điều chỉnh tỷ lệ DTBB của NHNN đã ảnh hưởng đến sự chuyển dịch giữa tiền mặt, TGTG tại NHNN và tại TCTD khác. Bên cạnh đó, một trong những nguyên nhân ảnh hưởng rất lớn làm cho tỷ trọng tiền mặt có xu hướng giảm đó là do sự đổi mới trong cơ chế quản lý vốn của Vietinbank được triển khai từ tháng 4/2011: thực hiện chuyển từ cơ chế gửi - vay sang cơ chế mua - bán vốn (cơ chế quản lý vốn tập trung FTP). Cùng với sự ra đời của Trung tâm thanh toán VietinBank từ tháng 10/2014 đã xây dựng thành công mô hình quản lý và xử lý tập trung các giao dịch thanh toán chuyển tiền góp phần giảm thiểu tỷ trọng tiền mặt trong tổng giá trị ngân quỹ của Ngân hàng.

#### ***(2) Chuyển dịch cơ cấu cho vay tại Vietinbank***

Được Luận án phân tích làm rõ trên các nội dung: Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo đối tượng khách hàng và thành phần kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo ngành nghề và lĩnh vực; Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo thời hạn; Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo tính chất bảo đảm tiền vay và loại tiền.

#### ***(3) Chuyển dịch cơ cấu đầu tư tại Vietinbank***

- Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hình thức và mục đích đầu tư



- Chuyển dịch cơ cấu CK xét theo tính chất và chủ thể phát hành:

- Chuyển dịch cơ cấu chứng khoán đầu tư theo thời hạn

### **2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam xét theo tiêu chí chất lượng**

#### **2.2.2.1. Đảm bảo an toàn vốn (CAR)**

Hệ số CAR của Vietinbank luôn lớn hơn so với qui định của NHNN. Kết quả này một mặt là do Vietinbank đã chủ động nâng qui mô vốn tự có bằng nhiều biện pháp và điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn. Tuy nhiên, hệ số CAR tại Vietinbank cũng như các NHTM Việt Nam thời gian qua chưa phản ánh đúng khả năng chống đỡ rủi ro vì công thức tính CAR, hệ số TSC rủi ro mới tính đến RRTD chưa tính đến rủi ro thị trường và RRHĐ theo chuẩn Basel II.

#### **2.2.2.2. Bảo đảm khả năng thanh khoản**

Các chỉ số ngân quỹ và tỷ lệ dự trữ thanh khoản; Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay T-DH, tuy nhiên dư nợ T-DH tại Ngân hàng có xu hướng tăng cao từ năm 2015-2016, trong đó tập trung cao đối với lĩnh vực BDS, cao hơn nhiều so với “khẩu vị” RRTD đã thiết lập. Chỉ tiêu tỷ lệ cho vay/tổng NVHĐ tiền gửi (LDR) của Ngân hàng nhiều năm trên 100% vượt quá mức giới hạn qui định của NHNN (LDR đối với NHTMNN là 80% và từ TT36 là 90%) cho thấy mức độ tận dụng vốn để sinh lợi tại Ngân hàng tốt nhưng tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến khả năng thanh khoản.

\* Chỉ số liên ngân hàng: Từ năm 2008-2010, chỉ số này tại Ngân hàng rất cao, Ngân hàng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn sang gửi và

cho vay trên thị trường 2. Do những tiềm ẩn rủi ro lớn trên TTLNH những năm này nên NHNN đã ban hành qui chế siết chặt hoạt động TTLNH, cùng với những khó khăn về NVHĐ, đã làm chỉ số LNH tại Vietinbank giảm sâu, đặc biệt năm 2012 chỉ còn gần 60% và duy trì ở mức thấp từ năm 2013-2016, thể hiện Vietinbank đang trong vị thế người “đi vay” các TCTD khác.

### 2.2.2.3. *Chất lượng tài sản*

#### *\* Chất lượng cho vay*

Vietinbank là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất trong toàn hệ thống, cũng như so với các NHTMNN khác. Tuy nhiên, nếu xem xét đứng trên góc độ tăng nợ xấu thì nhiều năm có tốc độ tăng nợ xấu cao trên 100% như năm 2008, 2012.

#### *\* Chất lượng đầu tư chứng khoán Nợ*

Ngoại trừ rủi ro phát sinh liên quan đến trái phiếu của Vinashin (500 tỷ đồng phải sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất năm 2012), Vietinbank thực hiện chiến lược đầu tư kinh doanh chủ yếu là TPCP, hoặc trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh với mức độ rủi ro thấp. Ngân hàng cũng tích cực phân tích và chỉ đầu tư vào các trái phiếu của các doanh nghiệp có uy tín trong kinh doanh, hoạt động kinh doanh tốt và có triển vọng. Trong hoạt động kinh doanh, đầu tư trái phiếu từ năm 2012 đến nay hầu như không phát sinh nợ quá hạn

### 2.2.2.4. *Tương quan cơ cấu sử dụng vốn với cơ cấu thu nhập và tỷ suất sinh lời của vốn sử dụng cho mỗi hoạt động*

Thu nhập lãi thuần của Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao phản ánh hoạt động của Ngân hàng vẫn chủ yếu tập trung vào hoạt động

cho vay và đầu tư vào CK Nợ. Các khoản thu ngoài lãi tại Ngân hàng cũng chưa thực sự phát triển. ROA và ROE giảm trong những năm gần đây. ROA năm 2015 đạt mức thấp nhất trong giai đoạn nghiên cứu và cao nhất vào năm 2011, do tốc độ tăng LNST của Ngân hàng thấp hơn so với tốc độ tăng tài sản, đồng thời phản ánh thời gian qua Vietinbank tăng trưởng tập trung về qui mô hơn.

### **2.3. Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTMCP Công thương Việt Nam**

#### **2.3.1. Một số kết quả đạt được**

- Cơ sở để thực hiện chuyển dịch cơ cấu cho vay theo phương thức chủ động tại Ngân hàng đã dần được xây dựng và đang hoàn thiện.
- Cơ cấu sử dụng vốn theo hoạt động và nội bộ từng hoạt động có sự chuyển dịch khá phù hợp với sự phát triển của thị trường.
- Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn cơ bản đã tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo qui định, chất lượng đầu tư CK Nợ đảm bảo.
- Cơ cấu cho vay và đầu tư của Ngân hàng chuyển dịch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội
- Ngân hàng đã sử dụng các công cụ nội bảng điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn khá hiệu quả.

#### **2.3.2. Một số tồn tại và nguyên nhân**

##### **2.3.2.1. Một số tồn tại**

- Một là, cơ cấu sử dụng vốn tại Ngân hàng vẫn tập trung vào hoạt động truyền thống
- Hai là, rủi ro tập trung trong cơ cấu cho vay còn lớn, một số chỉ số an toàn hoạt động chưa đảm bảo.

- *Ba là*, hoạt động đầu tư và một số công ty con, đầu tư góp vốn liên kết chưa thực sự hiệu quả

- *Bốn là*, cơ sở để chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn chủ động vẫn còn một số tồn tại

- *Năm là*, việc sử dụng các công cụ ngoại bảng để điều chỉnh cơ cấu cho vay, đầu tư còn hạn chế.

- *Sáu là*, tỷ trọng lãi phải thu của ngân hàng có xu hướng tăng cao cho thấy những khó khăn trong công tác thu hồi nợ và những tồn tại trong công tác phân loại nợ cũng như thỏa thuận điều khoản khi ký kết hợp đồng tín dụng

#### 2.3.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại trên

##### \* Nguyên nhân chủ quan

Cơ sở cho việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo phương thức chủ động mới thiết lập còn nhiều hạn chế trong quá trình triển khai; Cơ cấu NVHĐ chủ yếu là ngắn hạn; Những hạn chế từ hệ thống công nghệ ngân hàng và đội ngũ cán bộ

##### \* Nguyên nhân khách quan

Do môi trường kinh tế vĩ mô diễn biến phức tạp. Môi trường pháp lý với sự hướng dẫn và giám sát của NHNN đang trong quá trình hoàn thiện; TTTC Việt Nam chưa phát triển, tính minh bạch thị trường chưa cao. Bên cạnh đó những quy định về báo cáo thống kê còn nhiều bất cập cùng với nhiều nguyên nhân khác từ phía khách hàng đã ảnh hưởng lớn đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn nói chung và cơ cấu cho vay tại Vietinbank nói riêng.

### **Chương 3**

## **GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

### **3.1. Quan điểm và định hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTMCP Công thương Việt Nam đến năm 2025**

#### ***3.1.1. Định hướng hoạt động kinh doanh của VietinBank***

- Đổi mới mô hình hoạt động
- Tăng cường và nâng cao hiệu quả tái cơ cấu hoạt động
- Nâng cao hiệu quả QTRR
- Tăng cường năng lực tài chính
- Hiện đại hóa hệ thống Công nghệ thông tin

#### ***3.1.2. Quan điểm về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank***

(i) Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn hướng tới mục tiêu tối đa hóa khả năng sinh lời, đồng thời phải đảm bảo an toàn hoạt động;  
(ii) Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước; (iii) Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn cần thỏa mãn nhu cầu và các điều kiện từ phía khách hàng

#### ***3.1.3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank***

- *Thứ nhất*, chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hướng hoạt động đa năng
- *Thứ hai*, chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hướng tích cực, truyền dẫn có hiệu quả các công cụ điều hành từ NHNN.

- *Thứ ba*, đi đôi với tái cơ cấu hoạt động sử dụng vốn cần gắn với thực hiện thành công mục tiêu trung hạn xây dựng VietinBank trở thành NHTM có quy mô tổng tài sản lớn nhất hệ thống, có tầm cỡ trong khu vực.

- *Thứ tư*, hoàn thiện công tác quản trị các hoạt động sử dụng vốn

- *Thứ năm*, chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn gắn liền với quá trình tái cấu trúc toàn bộ mọi mặt của Ngân hàng

### **3.2. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTMCP Công thương Việt Nam**

#### **3.2.1. Các giải pháp chủ yếu**

\* *Hoàn thiện các cơ sở cho quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo phương thức chủ động.*

- Hoàn thiện chiến lược kinh doanh làm nền tảng định hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn

- Hoàn thiện các nội dung để thực hiện chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo phương thức chủ động

\* *Tích cực chuyển đổi mô hình kinh doanh giảm sự lệ thuộc vào hoạt động cho vay, phát triển hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động phi tín dụng:*

Ngân hàng cần chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh theo hướng từ “độc canh tín dụng” sang mô hình đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh hướng tới mục đích nhằm giảm thiểu những rủi ro phi hệ thống qua đó tăng khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng.

\* *Tăng cường và nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cho vay:*

(i) Cơ cấu lại hoạt động cho vay phù hợp với xu hướng phát

triển và phát huy những lợi thế của Ngân hàng:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cho vay theo ngành kinh tế, giảm vốn cho vay đối với các ngành đã bão hòa, giảm rủi ro tập trung cơ cấu cho vay theo ngành; Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo thành phần kinh tế và đối tượng khách hàng, tăng tỷ trọng dư nợ khách hàng thuộc thành phần kinh tế ngoài Nhà nước. Mở rộng cho vay khách hàng là DNNVV, các doanh nghiệp FDI; Phát triển cho vay khách hàng cá nhân; Điều chỉnh cơ cấu cho vay theo thời hạn phù hợp với cơ cấu NVHĐ

(ii) Chuyển dịch cơ cấu cho vay theo chiến lược tín dụng xanh

Vietinbank cần bổ sung tiêu chí về tác động môi trường trong việc phân loại các khách hàng, dự án vay vốn nhằm có đánh giá đúng đắn thực trạng tín dụng xanh tại Ngân hàng, trên cơ sở đó kết hợp với định hướng của NHNN, xây dựng CSTD theo hướng bền vững.

(iii) Phát triển kênh phân phối sản phẩm cho vay trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại:

Ngân hàng cần chú trọng hơn trong việc thiết kế các sản phẩm phân phối qua các kênh mới trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin nhất là các sản phẩm cho vay dành cho đối tượng KHCCN. Cùng với đó, công tác quản lý và cơ chế kiểm soát khoản vay, DMCV của Ngân hàng cũng đòi hỏi phải có sự thay đổi cho phù hợp.

(iv) Đa dạng hóa phương thức và sản phẩm cho vay

(v) Tích cực chủ động xử lý và hạn chế nợ xấu:

Ngân hàng rà soát và phân loại nợ theo đúng qui định nhằm minh bạch hóa thông tin tình hình nợ xấu. Tích cực xử lý nợ xấu

bằng những biện pháp phù hợp với tình trạng và đặc thù của từng khoản nợ. Đồng thời kiểm soát, hạn chế tối đa các khoản nợ xấu phát sinh

*\* Giải pháp chuyển dịch cơ cấu đầu tư tại Vietinbank*

- rà soát, cơ cấu lại hoạt động đầu tư của Ngân hàng, tăng vốn đầu tư cho các lĩnh vực có hiệu quả

- Xây dựng và hoạch định chính sách quản lý cơ cấu danh mục đầu tư

- Đa dạng hóa và hoàn thiện phương thức đầu tư

- Phát triển đầu tư, kinh doanh các loại CK Nợ với lãi suất thả nổi do các tổ chức phát hành có độ tín nhiệm cao.

- Nâng cao vai trò cầu nối của công ty chứng khoán Vietinbank và các công ty con của Ngân hàng

*\* Giải pháp chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn nhằm bảo đảm an toàn hoạt động theo thông lệ quốc tế:* Điều chỉnh cơ cấu TSC rủi ro đảm bảo an toàn vốn theo chuẩn Basel II và điều chỉnh cơ cấu tài sản nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản

*\* Sử dụng các công cụ điều chỉnh cơ cấu cho vay, cơ cấu đầu tư một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn.*

### **3.2.2. Các giải pháp hỗ trợ**

(i) Tăng cường khả năng phân tích, dự báo biến động của thị trường; (ii) Tăng cường năng lực về vốn chủ sở hữu và cải thiện cơ cấu nguồn vốn, tăng tính ổn định nguồn vốn huy động; (iii) Hoàn thiện hệ thống XHTDNB, xây dựng và áp dụng các công cụ đo lường rủi ro danh mục cho vay, danh mục đầu tư theo thông lệ quốc tế ; (iv) Thực hiện thoái thu lãi của các khoản nợ xấu



phù hợp cơ chế tài chính; (v) Nâng cao năng lực quản trị ngân hàng đặc biệt là quản trị rủi ro; (vi) Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ nhân sự; (v) Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý danh mục tài sản.

### **3.3. Một số kiến nghị**

#### ***3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan***

Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô và cần có định hướng phát triển kinh tế xã hội cụ thể trong từng thời kỳ; Thúc đẩy và triển khai đồng bộ Đề án tái cơ cấu nền kinh tế; Hoàn thiện khung pháp lý; Tăng cường phối hợp hỗ trợ ngân hàng trong xử lý và thu hồi nợ xấu; Phát triển thị trường tài chính theo chiều sâu, tăng cường công tác thanh tra giám sát, đảm bảo tính minh bạch thông tin trên thị trường

#### ***3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam***

Hoàn thiện hệ thống pháp lý cho yêu cầu chuyển dịch và quản trị cơ cấu danh mục cho vay và đầu tư của ngân hàng; Tăng cường công tác thanh tra, giám sát rủi ro các TCTD; Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê theo ngành kinh tế; Xây dựng và ban hành hệ thống pháp lý cho các công cụ tài chính phái sinh để Ngân hàng có thể sử dụng phổ biến trong điều chỉnh cơ cấu tài sản; Củng cố và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin tín dụng của NHNN

## KẾT LUẬN

Luận án với đề tài “*Chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTMCP Công thương Việt Nam*” đã hoàn thành với các nội dung cơ bản sau:

- *Một là*, hệ thống hóa và hoàn thiện cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của NHTM; Tìm hiểu bài học kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại một số ngân hàng trong và ngoài nước từ đó rút ra bài học đối với Vietinbank;

- *Hai là*, nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại Vietinbank trong thời gian qua trên các tiêu chí qui mô và chất lượng. Trên cơ sở đó, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó;

- *Ba là*, đề xuất hệ thống các giải pháp và kiến nghị góp phần chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hướng hợp lý tại Vietinbank trong thời gian tới.

Với những nội dung cơ bản Luận án đã thực hiện, NCS hi vọng kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ có đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn tại NHTM và góp phần chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn theo hướng hợp lý tại Vietinbank nói riêng và các NHTM Việt Nam nói chung. NCS mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà Khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để Luận án được hoàn thiện hơn

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG  
BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Thị Lan (2015), *“Mua bán và sáp nhập ngân hàng ở Việt Nam”*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số tháng 01/2015.
2. Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2015, *“Tăng cường tái cơ cấu tài chính của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”*
3. Trần Thị Lan (2016), *“Thị trường mua bán nợ xấu ở Việt Nam - Thực trạng và một số đề xuất”*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Đại học Công đoàn tháng 4/2016
4. Thư ký đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2015, *“Hoàn thiện CSTD phục vụ phát triển NNoNT của NHNN Việt Nam”*.
5. Trần Thị Lan (2016), *“Phát triển thị trường mua bán nợ xấu - Giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu NHTM ở Việt Nam”*, Tạp chí Thanh tra Tài chính số 169 (T7/2016)
6. Trần Thị Lan (2016), *“Vận dụng phương pháp véc tơ và phương pháp phân tích thành phần để đo lường qui mô chuyển dịch cơ cấu sử dụng vốn của Vietinbank”*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Số 156 (T7/2016).
7. Trần Thị Lan (2017), *“Một số vướng mắc về cơ chế và khuyến nghị nhằm thúc đẩy xử lý nợ xấu đã mua của công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”*, Kỷ yếu HTKH giữa NHNN Việt Nam và VAMC, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân tháng 1/2017
8. Trần Thị Lan (2017), *“Trao đổi một số nội dung về kế toán cho vay của NHTM khi áp dụng quy chế mới về hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng”*, Tạp chí Thanh tra Tài chính Số 178 (4-2017)
9. Trần Thị Lan (2017), *“Chuyển nợ xấu thành vốn góp - Biện pháp xử lý nợ xấu của các TCTD và những vướng mắc về pháp lý”*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán Số 05 (166) 2017

